

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

Số: 214/2017/QĐST – HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Giá Rai, ngày 26 tháng 10 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 338/2017/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Chị **Đặng Thị N**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Chí T và chị Đặng Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Chí T và chị Đặng Thị N thống nhất chung sống từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 08/10/2009 số 128 quyền số 02 tại Ủy ban nhân dân xã N huyện H. Hai bên thống nhất thuận tình ly hôn và cùng yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Thị Chúc V sinh ngày 09/5/2010 và giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày hòa giải (ngày 18/10/2017) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N trực tiếp nuôi con có quyền nhận tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

2.3. Về tài sản và nợ chung: Hai bên thống nhất không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình anh T, chị N mỗi người phải nộp 75.000đ nhưng anh T tự nguyện nộp thay án phí cho chị N; án phí cấp dưỡng nuôi con anh T phải nộp 150.000đ do anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con trước khi tiến hành hòa giải. Tổng án phí anh T phải nộp là 300.000đ; anh đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0010526 ngày 09/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai chuyển thu án phí.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- UBND xã N;
- THA thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Giang Thị Cẩm Thúy